

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 24-9-2021

Về việc “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hùng Vương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Hà Giang;
2. Ông Dương Tấn Thành.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Nhân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Long An.

Ngày 24 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 88/2021/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2021 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phan Thị G - Sinh năm 1988 - Địa chỉ: Ấp 5, xã MQT, huyện H, tỉnh Long An (Vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Hồ Văn T - Sinh năm 1967 - Địa chỉ: Ấp 5, xã MQT, huyện H, tỉnh Long An (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 08 tháng 4 năm 2021, các văn bản tiếp theo, nguyên đơn bà Phan Thị G trình bày và yêu cầu:

Bà và ông Hồ Văn T cưới nhau có đăng ký kết hôn ngày 24-9-2008 tại Ủy ban nhân dân xã MQT; Chung sống đến năm 2019 phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cãi vã nhau, hiện vẫn còn sống chung, đã cho nhiều cơ hội hàn gắn nhưng ông T không sửa đổi.

Về hôn nhân: Yêu cầu ly hôn với ông Hồ Văn T;

Về con chung: Có 02 con chung tên Hồ Gia H1, sinh ngày 07-10-2008 và Hồ Minh N, sinh ngày 03-11-2013, đang sống chung với bà, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Vụ án không tiến hành hòa giải đoàn tụ được do bị đơn là ông Hồ Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn cố tình vắng mặt.

- Ngày 16-7-2021, bà Phan Thị G có đơn xin xét xử vắng mặt;

- Bị đơn là ông Hồ Văn T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Phan Thị G khởi kiện “Tranh chấp ly hôn” đối với ông Hồ Văn T; Tòa án nhân dân huyện H tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Bà G có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

[3] Bị đơn là ông T được tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng của Tòa án, nhưng không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của ông, không tham gia hòa giải và vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Hội đồng xét xử vụ án theo quy định tại khoản 3 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[4] Tại phiên tòa, nguyên đơn không có đơn rút yêu cầu khởi kiện, các đương sự không thỏa thuận được với nhau việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

[5] Xét về hôn nhân:

[5.1] Bà G và ông T chung sống có đăng ký kết hôn ngày 24-9-2008 tại Ủy ban nhân dân xã MQT, huyện H, tỉnh Long An. Quan hệ hôn nhân giữa bà G và ông T là hôn nhân hợp pháp theo quy định của pháp luật hôn nhân và gia đình.

[5.2] Xét yêu cầu ly hôn của bà G: Bà G và ông T xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống từ năm 2019, tuy còn sống chung, cho nhau cơ hội hàn gắn nhưng không có kết quả (theo trình bày của bà G); Xét từ khi xảy ra mâu thuẫn, đến khi được Tòa án thụ lý vụ án và đến nay, ông T không có biện pháp hữu hiệu để khắc phục mâu thuẫn gia đình, ông T và bà G vẫn còn mâu thuẫn, mỗi người tự lo cho bản thân, không quan tâm chăm sóc nhau nên bà G xin ly hôn. Mâu thuẫn giữa bà G và ông T đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn

nhân không đạt được. Việc bà G yêu cầu ly hôn là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 nên chấp nhận. Ông T không có ý kiến nên không có căn cứ xem xét.

[6] Về nuôi con chung:

[6.1] Xét con chung tên Hồ Gia H1, sinh ngày 07-10-2008 và Hồ Minh N, sinh ngày 03-11-2013, đang sống với bà G, tuy rằng nguyện vọng con chung tên Nhật muốn sống với bà G, con chung tên Huy muốn sống với ông T, nhưng việc thay đổi người nuôi dưỡng, môi trường sống, học tập sẽ ảnh hưởng đến tâm lý của con chung, ngoài ra, ông T không có ý kiến nên không có căn cứ xem xét, nên chấp nhận theo yêu cầu của bà G là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

[6.2] Bà G không yêu cầu được cấp dưỡng nuôi con chung là tự nguyện, phù hợp quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân gia đình nên ghi nhận.

[6.3] Ông T được quyền thăm nom, chăm sóc con chung; Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung, bà G và ông T được quyền yêu cầu thay đổi tình trạng nuôi con chung và việc cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp theo quy định tại các Điều 83, 84, 107 và 110 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[7] Về chia tài sản chung và nợ chung: Bà G trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, ông T không có ý kiến nên không có căn cứ xem xét, do đó không đề cập. Nếu xảy ra tranh chấp, các đương sự được quyền khởi kiện vụ án khác theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự là phù hợp quy định tại Điều 59 và 60 Luật Hôn nhân gia đình.

[8] Về án phí, căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xét thấy: Bà G là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp, bà G đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm; Ông T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227, các Điều 147, 266, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Các Điều 56, 59, 60, 81, 82, 83, 84, 107 và 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Bà Phan Thị G được ly hôn với ông Hồ Văn T.
2. Về nuôi con chung:

2.1. Bà Phan Thị G được trực tiếp nuôi 02 con chung tên Hồ Gia H1, sinh ngày 07-10-2008 và Hồ Minh N, sinh ngày 03-11-2013, đang sống với bà G, theo nguyện vọng của con chung tên Nhựt.

2.2. Ghi nhận sự tự nguyện của đương sự: Ông Hồ Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

2.3. Ông T được quyền thăm nom, chăm sóc con chung; Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung, bà G và ông T được quyền yêu cầu thay đổi tình trạng nuôi con chung và việc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về chia tài sản chung và chia nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Bà Phan Thị G phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp (Biên lai thu số 0009181 ngày 27-4-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H), bà G đã nộp đủ án phí.

5. Các đương sự vắng mặt, được quyền kháng cáo bản án theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- UBND xã MQT (để ghi sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hùng Vương